

SƠN EPOXY

CÔNG DỤNG

Dùng để sơn trên các bề mặt kim loại, bê tông, các vật liệu khác với mục đích bảo vệ các vật liệu được sơn chịu đựng lâu dài ở ngoài trời, chịu được các điều kiện khắc nghiệt trong công nghiệp.

ĐẶC TÍNH

- Màng sơn bám rất tốt, cứng và dẻo.
- Độ bền cao, chịu được mài mòn.
- Chịu được nước, xăng dầu, các loại dung môi hydrocarbon đây thẳng và một số hóa chất khác.

MÀU SẮC

Trắng, Xám, Vàng ... (và các màu khác theo yêu cầu của khách hàng)

TỈ TRỌNG ở 25° C

1.10 – 1.30

ĐỘ CHE PHỦ

- . Lý thuyết 8.0 – 10.0 m² / kg sơn / lớp phủ dày 35µm
- . Thực tế 5.7 – 7.1 m² / kg sơn / lớp phủ dày 35µm

Độ che phủ này có thể thay đổi tùy thuộc vào tình trạng của bề mặt vật liệu cần sơn, bề dày lớp sơn, phương pháp sơn ...

THỜI GIAN KHÔ

Khô bề mặt 2 giờ ở 30°C

THỜI GIAN SƠN LỚP KẾ TIẾP

Tối thiểu 10 giờ ở 30°C

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

- . Xử lý bề mặt : làm sạch và khô bề mặt, không để dính dầu mỡ, nước, bụi, các màng sơn cũ và các chất bẩn khác. *Đối với bề mặt bê tông chưa khô cứng, còn hơi ẩm, không được sơn phủ để tránh hơi ẩm làm giảm hoặc mất độ bám của lớp sơn phủ.*
- . Chuẩn bị sơn epoxy :
 - Khuấy đều sơn nền trước khi sử dụng.
 - Cho từ từ chất đóng rắn vào sơn nền và giữ đúng theo tỉ lệ pha trộn, khuấy đều.
 - Tránh dùng dư chất pha loãng.
- . Phương pháp sơn :
 - Dụng cụ : Súng phun, cọ quét, con lăn.
 - Tỉ lệ pha trộn : Sơn nền : chất đóng rắn = 2:1 theo thể tích
 - Thời hạn sử dụng sau khi pha trộn : trong vòng 6 giờ ở 30°C
 - Chất pha loãng : chất pha loãng epoxy của Sơn Bạch Tuyết.
 - Tỉ lệ pha loãng :
 - Súng phun : 20% – 30% chất pha loãng.
 - Cọ quét, con lăn : có thể pha loãng sơn cho thích hợp, nhưng lượng chất pha loãng không quá 15% theo lượng sơn.

ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT SƠN EPOXY

Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Đặc tính kỹ thuật	Phương pháp thử
Hàm lượng chất không bay hơi, tính theo khối lượng	%	Tối thiểu 50	ASTM D2369-1993
Độ bám dính	Điểm	1	TCVN 2097-1993/ ISO 2409-1992
Độ cứng (Konig)	-	Tối thiểu 0.45	TCVN 2098-1993/ ISO 1522
Độ bền uốn	mm	1	TCVN 2099-1993/ ISO 1519-1993
Độ bền va đập	kg.cm	Tối thiểu 100	TCVN 2100-1993/ ISO 6272-1979
Thời gian khô bề mặt, ở 30° C	Giờ	Tối đa 2	TCVN 2096-1993/ ISO 1517-1973 , ISO 1917-1990
Độ che phủ (tùy theo màu)	m ² /kg 35µm		
Lý thuyết		8.0 – 10.0	
Thực tế		5.7 – 7.1	